

Kính gửi : ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP HỒ CHÍ MINH

Về việc : Giải trình chênh lệch số liệu trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh 6 tháng đầu năm 2019 và cùng kỳ năm trước :

Đơn vị tính : đồng

CHI TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018	Chênh lệch	Nguyên nhân
1	2	3	4	5	6= (4-5)	7
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	21	1,102,602,793,642	1,347,680,749,426	(245,077,955,784)	Do vào thời điểm đầu năm, tình hình kinh tế thế giới có nhiều biến động nên giá thép vẫn không tăng, nhu cầu mua nguyên liệu đầu tư của các công trình giảm dẫn đến sức mua giảm của thị trường, vì vậy doanh thu bán hàng giảm so với cùng kỳ năm trước.
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	22	447,292,854	540,013,060	(92,720,206)	
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1,102,155,500,788	1,347,140,736,366	(244,985,235,578)	
4. Giá vốn hàng bán	11	23	1,056,781,674,005	1,251,477,129,310	(194,695,455,305)	Doanh thu kỳ này giảm dẫn đến giá vốn hàng bán giảm so với cùng kỳ năm trước.
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		45,373,826,783	95,663,607,056	(50,289,780,273)	Do một số nguyên nhân trên dẫn đến lợi nhuận gộp bán hàng giảm tương ứng.
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	48,710,023,628	129,215,574,040	(80,505,550,412)	Doanh thu tài chính giảm do nhận chia lợi nhuận từ công ty con ít hơn so với cùng kỳ năm trước.
7. Chi phí tài chính	22	25	12,615,375,977	23,088,329,499	(10,472,953,522)	Chi phí tài chính giảm do đầu năm phát sinh ít khoản vay ở các tổ chức tín dụng, chủ động được nguồn vốn tự có.
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		12,476,738,027	19,596,401,816	(7,119,663,789)	
8. Chi phí bán hàng	25	26	10,008,902,923	15,395,932,390	(5,387,029,467)	Do tiết kiệm được nhiều nguồn chi phí, đồng thời giảm thiểu tối đa phát sinh các nguồn chi phí, dẫn đến chi phí bán hàng giảm so với cùng kỳ năm trước.
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27	11,913,296,305	16,610,316,382	(4,697,020,077)	Do tiết kiệm được nhiều nguồn chi phí, đồng thời giảm thiểu tối đa phát sinh các nguồn chi phí, dẫn đến chi phí quản lý giảm so với cùng kỳ năm trước.

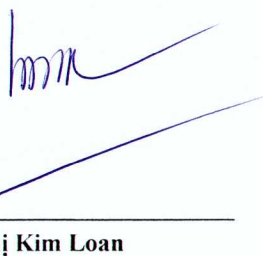


CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018	Chênh lệch	Nguyên nhân
1	2	3	4	5	6= (4-5)	7
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		59,546,275,206	169,784,602,825	(110,238,327,619)	Do một số nguyên nhân nêu trên nên dẫn đến lợi nhuận hoạt động kinh doanh kỳ này giảm so với cùng kỳ năm trước.
11. Thu nhập khác	31		20,075,941	51,114,695	(31,038,754)	
12. Chi phí khác	32		1,246,639	5,672,694	(4,426,055)	
13. Lợi nhuận khác	40		18,829,302	45,442,001	(26,612,699)	
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		59,565,104,508	169,830,044,826	(110,264,940,318)	Do một số nguyên nhân chủ yếu trên nên dẫn đến tổng lợi nhuận kế toán trước thuế giảm tương ứng
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	28	3,351,280,017	10,505,198,884	(7,153,918,867)	
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-	-	
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		56,213,824,491	159,324,845,942	(103,111,021,451)	Lợi nhuận sau thuế TNDN kỳ này giảm hơn so với cùng kỳ năm trước là do những nguyên nhân chủ yếu nêu trên.

Đồng Nai, ngày 23 tháng 08 năm 2019



Đỗ Thị Kim Dung
Người lập



Đào Thị Kim Loan
Kế toán trưởng



Nguyễn Mạnh Hà
Chủ tịch Hội đồng quản trị

